

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-01-2022

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Văn Tươi.

Ông Đỗ Trọng Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 184/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh C.

Bị đơn: Anh Từ Minh T, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi ĐKKHTT: Ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh C.

Chỗ ở hiện nay: Khóm 4, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị C trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Từ Minh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường hay cự cãi, thời gian gần đây giữa chị và cha chồng có xảy ra mâu thuẫn với nhau, cha chồng chị đuổi chị đi nên chị về nhà cha mẹ ruột sống. Sau đó, chị có nói với anh T thì vợ chồng cự cãi nhiều

hơn và anh T còn dùng lời lẽ xúc phạm đến chị, gia đình của chị. Nay chị xét thấy không thể sống với anh T nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Từ Minh T có 03 người con chung tên Từ Tuyết N, sinh ngày 31/8/2012; Từ Minh Đ, sinh ngày 26/10/2017 và Từ Tuyết V, sinh ngày 26/10/2017. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con chung tên Từ Tuyết V, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Đối với con chung tên Từ Tuyết N, sinh ngày 31/8/2012 và Từ Minh Đ, sinh ngày 26/10/2017 chị có nguyện vọng giao cho anh T trực tiếp nuôi vì hiện chị không có điều kiện chăm sóc hết 03 người con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án anh Từ Minh T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn cự cãi với nhau nhưng mỗi lần cự cãi là chị C bỏ về nhà cha mẹ ruột ở anh phải đi rước về rất nhiều lần, nhưng thời gian gần đây giữa chị C và cha anh có xảy ra mâu thuẫn, chị C có lời lẽ xúc phạm cha anh và chị C đã về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Anh xét thấy sự việc ngoài sức chịu đựng của anh nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị C 03 người con chung tên Từ Tuyết N, sinh ngày 31/8/2012; Từ Minh Đ, sinh ngày 26/10/2017 và Từ Tuyết V, sinh ngày 26/10/2017. Sau khi ly hôn anh đồng ý nuôi con chung tên Từ Tuyết N và Từ Minh Đ, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung tên Từ Tuyết V, anh đồng ý giao cho chị C nuôi và không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị C khởi kiện xin ly hôn với anh Từ Minh T, địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn R, huyện N, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ngày 20/12/2021, anh Từ Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Từ Minh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật

nên hôn nhân giữa chị C và anh T là hôn nhân không hợp pháp không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị C và anh Từ Minh T là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Từ Minh T có 03 người con chung tên Từ Tuyết N, sinh ngày 31/8/2012; Từ Minh Đ, sinh ngày 26/10/2017 và Từ Tuyết V, sinh ngày 26/10/2017. Sau khi ly hôn chị C, anh T thống nhất giao con chung tên Từ Tuyết N, Từ Minh Đ cho anh T trực tiếp nuôi và giao con chung tên Từ Tuyết V cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa chị C và anh T là phù hợp với quy định pháp luật. Đồng thời tại đơn nguyện vọng ngày 19/12/2021 con chung tên Từ Tuyết N có nguyện vọng được sống cùng với anh T. Do đó, giao con chung tên Từ Tuyết N, sinh ngày 31/8/2012; Từ Minh Đ, sinh ngày 26/10/2017 cho anh T trực tiếp nuôi và giao con chung tên Từ Tuyết V, sinh ngày 26/10/2017 cho chị C trực tiếp nuôi là phù hợp.

Chị Nguyễn Thị C và anh Từ Minh T không trực tiếp nuôi con chung có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở chị C, anh T thực hiện quyền này nhưng chị C, anh T không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của nhau.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị C và anh Từ Minh T không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Án hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng. Ngày 26 tháng 11 năm 2021, chị C đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019872 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm chị Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Từ Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị C và anh Từ Minh T là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Từ Tuyết N, sinh ngày 31/8/2012; Từ Minh Đ, sinh ngày 26/10/2017 cho anh T trực tiếp nuôi và giao con chung tên Từ Tuyết V, sinh ngày 26/10/2017 cho chị C trực tiếp nuôi.

Chị Nguyễn Thị C và anh Từ Minh T không trực tiếp nuôi con chung có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở chị C, anh T thực hiện quyền này nhưng chị C, anh T không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở việc chăm sóc, nuôi dưỡng con của nhau.

Về án phí: Án hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng. Ngày 26 tháng 11 năm 2021, chị C đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019872 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến được chuyển thu.

Bản án sơ thẩm chị Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Từ Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiến;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiến;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nghi